TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/KDTM-ST
Ngày: 15-01-2024
V/v tranh chấp về
Hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

2. Bà Nguyễn Thị Phượng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Lê Phú Qúy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2023 về "Tranh chấp về Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2023/QĐST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 198/2023/QĐST-DS, Thông báo dời thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số: 42/TB-TA ngày 15/12/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV T;
Địa chỉ: Quốc lộ H, ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là nguyên đơn.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Phạm Văn Đức M, sinh năm 1999; Địa chỉ: Số B ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Giấy ủy quyền ngày 19/5/2023). (có mặt)
- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1972 – Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Văn P; Địa chỉ: Số E, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Đinh Thị M1; sinh năm 1972; Địa chỉ: Số E, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, hòa giải và tại phiên tòa, anh M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 22/4/2023 bên nguyên đơn có mua bán vật tư nông nghiệp (phân bón các loại) bằng hình thức bán hàng qua điện thoại và trực tiếp cho ông Nguyễn Văn P, với số tiền còn nợ là 18.100.000 đồng đến nay chưa trả.

Nay nguyên đơn yêu cầu ông P và bà M1 trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 18.100.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày khởi kiện đến nay theo mức lãi suất 0,83%/tháng là 1.127.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 19.227.000 đồng.

- Ông P là bị đơn mặc dù nhận được đầy đủ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không ý kiến gì.

- Trong biên bản hòa giải của Tòa án, bà M1 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà M1 là vợ ông P thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn về số tiền hiện nay còn nợ là 18.100.000 đồng. Nay bà M1 đồng ý cùng ông P liên đới trả số tiền nợ này và trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Do ông P bận công việc không đến Tòa án được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật:

Tòa án thụ lý vụ án số: 199/TL-STDS ngày 19/6/2023 theo án dân sự. Tuy nhiên, xét thấy nguyên đơn là Công ty, phía bị đơn là chủ hộ kinh doanh, ký kết Hợp đồng kinh tế về việc mua bán phân bón, có đại diện công ty T và ông P, bà M1 ký tên, mục đích của hợp đồng mua bán là để mua đi bán lại sinh lời, do đó, Tòa án chuyển từ án dân sự sang kinh doanh thương mại.

1.2. Về sự vắng mặt của đương sự: Ông P và bà M1 đang cư trú tại ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện L, quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông P, bà M1 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên xét xử lần 2 nhưng vắng mặt không lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ông P và bà M1 có mua vật tư nông nghiệp của công ty T và hiện tại ông P và bà M1 còn nợ 18.100.000 đồng, có Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ, được bà M1 thừa nhận là có thật.

Nay nguyên đơn yêu cầu ông P và bà M1 cùng liên đới trả số nợ 18.100.000 đồng và lãi suất 0,83%/tháng, bà M1 đồng ý. Nhưng do ông P không đến Tòa án hòa giải nên không công nhận sự thỏa thuận của các đương sự được.

Đối với tiền lãi, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi theo Hợp đồng kinh tế đã ký mà chỉ yêu cầu tính lãi theo lãi dân sự (yêu cầu nộp từ ngày khởi kiện đến khi xét xử với mức lãi suất 0,83%), do yêu cầu này thấp hơn mức lãi theo hợp đồng, nên phù hợp, Tòa án chấp nhận (18.100.000 đồng x 0,83%/tháng x 7,5 tháng = 1.127.000 đồng).

Tại Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự quy định:

"Điều 357. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền

1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này."

"Điều 468. Lãi suất

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ."

Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Tòa án chấp nhận.

[3] Về án phí: Ông P, bà M1 bị buộc nghĩa vụ trả nợ nên phải nộp án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty TNHH T.

2. Buộc hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn P, bà Đinh Thị M1 có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH T số tiền còn nợ trong hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp là 18.100.000 đồng (Mười tám triệu một trăm nghìn đồng) và tiền lãi là 1.127.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi bảy nghìn đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 19.227.000 đồng (Mười chín triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn đồng) là chấm dứt nợ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Văn P, bà Đinh Thị M1 phải nộp 6.601.500 đồng (Sáu triệu sáu trăm lẻ một nghìn năm trăm đồng) án phí sơ thẩm dân sự.

Công ty TNHH T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 453.000 đồng (Bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng) theo biên lai số 0003610 ngày 19/6/2023 và 2.547.000 đồng (Hai triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai số 0003260 ngày 02/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

4. Án xử công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đuông sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Kiều Tiên